Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT TẬP TRUNG THỊ TRẤN ĐÌNH LẬP, HUYỆN ĐÌNH LẬP

(Kèm theo Quyết định số 2225 /QĐ-UBND ngày 27 /12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập.

- Địa điểm thực hiện dự án: Khu 6, thị trấn Đình lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đình Lập.

- Địa chỉ liên hệ: Khu 1, thị trấn Đình lập, huyện Đình lập, tỉnh Lạng Sơn

2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: phía Tây tiếp giáp với đường Quốc lộ 4B; phía Đông tiếp giáp với khu dân cư đô thị mới; phía Nam tiếp giáp với khu dân cư đô thị mới; phía Bắc tiếp giáp với khu dân cư đô thị mới.

- Quy mô: xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải tập trung với quy mô sử dụng đất khoảng 1.680 m^2 với công suất 560 m^3/ ngày.đêm.

3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

3.1. Các hạng mục công trình của dự án

- Các hạng mục công chính:

+ Nhà vận hành: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 65,89 m^2, gồm 2 phòng: phòng điều khiển diện tích sàn 16,26 m^2; phòng chức năng diện tích sàn 41,07 m^2.

+ Cụm bể xử lý, gồm 07 bể: bể thu gom khoảng 70 m^3; bể lắng cát khoảng 12,18m^3; bể điều hòa khoảng: 254,22m^3; bể thiếu khí (anoxxic) khoảng 191,64 m^3; bể hiếu khí (aeroten) khoảng: 244,14 m^3; bể lắng 170,64 m^3; bể khử trùng 24,9 m^3; bể chứa bùn 35,7 m^3.

+ Tuyến cống D1000 ngang đường thu gom nước thải dài 10m.

+ Tuyến mương dài 34,4m; ống dẫn thu nước thải dài 303,94m.

+ Sân phơi cát 10,56m^2.

- Các hạng mục phụ trợ và các hạng mục khác: sân bê tông 248,75m2, cổng rộng 4,5m; tường rào dài 120,15m, 01 bể tự hoại.

3.2. Các hoạt động của dự án

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển vật tư, máy móc.

- Giai đoạn vận hành: vận hành hệ thống hệ thống xử lý nước thải tập trung.

4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ với diện tích chuyển đổi là là 658,9 m^2.

II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

STT	Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	Các tác động môi trường
1	**Giai đoạn thi công xây dựng**	
1.1	Hoạt động giải phóng mặt bằng, chiếm dụng đất	- Dự án chiếm dụng khoảng 1.680 m^2 đất, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp (Chủ yếu trồng các loại cây nông nghiệp ngắn ngày). - Mâu thuẫn về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, thay đổi đáng kể đến đời sống của nhân dân khu vực. - Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật...
1.2	Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.	- Bụi và khí thải phát sinh từ các từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; hàn cắt kim loại. - Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án. - Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; Chất thải từ hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn xây dựng thông thường là các chất thải rắn có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, bao bì carton sạch,... và các loại chất thải khác như đất đá, xi măng rơi vãi,... - Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; ắc quy, pin thải; bao bì cứng bằng kim loại thải; que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải,,... - Tiếng ồn: Tiếng ồn và rung động từ các phương tiện vận chuyển, các máy móc thi công công trình. - Các rủi ro, tai nạn về lao động, sự cố ngập úng, sự cố cháy nổ, sự cố điện;
2	**Giai đoạn dự án đi vào vận hành**	

2.1	Hoạt động sinh hoạt, làm việc của cán bộ nhân viên làm việc tại trạm xử lý	- Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt hằng ngày; - Bụi khí thải từ phương tiện giao thông trong khu vực dự án. - CTNH phát sinh như bóng đèn huỳnh quang hỏng,...
2.2	Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải	- Thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh của khu vực thị trấn. - Chất thải thu gom từ cống thoát nước, lưới và song chắn rác của hố thu, các trạm bơm nước thải như túi bóng, đất, đá, lá cây,... - Chất thải rắn từ HTXL nước thải (bùn thải) nếu không được nạo vét định kỳ sẽ gây tình trạng tắc cống, để lâu ngày sẽ gây ra hiện tượng trào ngược nước thải. - Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. - CTNH từ quá trình bảo dưỡng trạm xử lý: Dầu máy thải.

III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO GIAI ĐOẠN DỰ ÁN

1. Nước thải, bụi, khí thải

1.1. Nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công: lưu lượng phát sinh 2,4 m^3/ng.đêm. Thành phần ô nhiễm trong nước thải chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ (BOD, COD, hợp chất nitơ, phốt pho) và vi khuẩn

- Nước thải từ hoạt động thi công: lưu lượng phát sinh 0,2 m^3/ng.đêm. Thành phần ô nhiễm trong nước thải gồm chất rắn lơ lửng do rửa trôi; dầu mỡ nhiên liệu từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị, …

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng phát sinh 707.616 m^3/ngày. Thành phần ô nhiễm trong nước thải chất rắn lơ lửng do rửa trôi, dầu mỡ nhiên liệu từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị, …

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng phát sinh 465,4 m^3/ng.đêm. Thành phần ô nhiễm hàm lượng các chất hữu cơ cao, dễ bị phân hủy sinh học, các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi trùng, chất rắn, mùi.

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng phát sinh 707.616 m^3/ ngày. Thành phần ô nhiễm hàm lượng các chất N, P, TSS, COD.

1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng: bụi, khí thải phát sinh với tổng lượng khoảng 1.254,79 $\mu g/m^3$; mức độ tác động chỉ mang tính tức thời.

b) Giai đoạn vận hành: khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải với mức độ phát thải nhỏ, chỉ mang tính tức thời.

2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt công nhân làm việc tại công trường 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng từ khối lượng đất đắp là 6.564,68 m^3,

- Chất thải rắn phát quang 0,2 tấn, phế thải xây dựng: vỏ bao xi măng, gạch đá, bê tông thừa,…0,52 tấn/ngày.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại trạm xử lý 5kg/ngày.

- Chất thất thải rắn thu gom tại cống thoát nước, lưới và song chắn rác của hố thu, các trạm bơm nước thải như túi bóng, đất, đá, lá cây…: 5kg/ ngày.

2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng: giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; ắc quy, pin thải; bao bì cứng bằng kim loại thải; que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...khối lượng phát sinh 58kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành: Dự án phát sinh không nhiều chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu máy thải khối lượng khoảng 60kg/năm.

2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khối lượng bùn phát sinh theo tính toán là 60,4 x 10^{-3} m^3/ngày.

3. Tiếng ồn, độ rung

3.1. Giai đoạn xây dựng: hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan đóng cọc, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải); Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án. Độ rung phát sinh do quá trình đào, xúc đất đá và hoạt động của các thiết bị thi công xây dựng.

3.2. Giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông. Tiếng ồn phát ra từ trạm xử lý nước thải.

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải; khí thải

1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 02 nhà vệ sinh lưu động trên công trường thu gom nước thải sinh hoạt và thuê đơn vị chức năng đưa đi xử lý.

- Nước thải từ hoạt động thi công: bố trí hệ thống thu gom nước thải riêng, có hố ga lắng trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn. Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

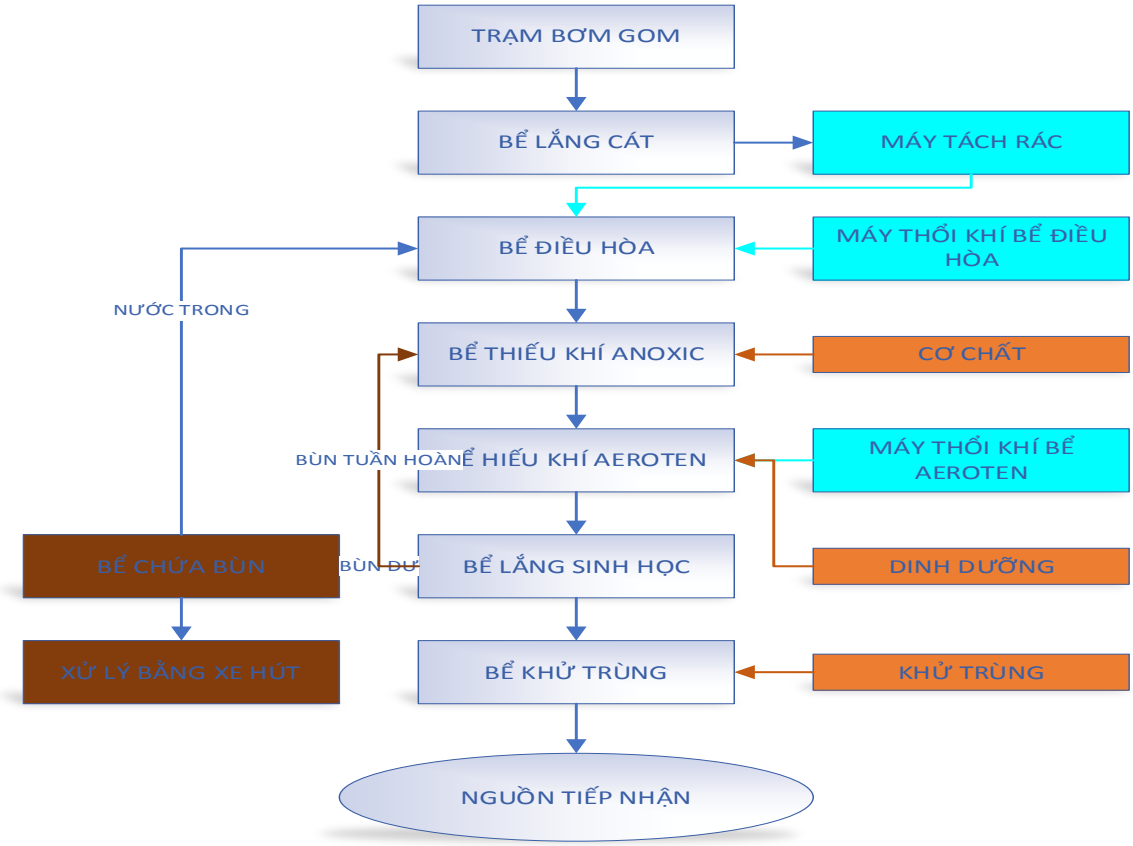
b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại trạm xử lý, nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sẽ được thu gom theo đường rãnh ngầm, sau đó chảy về trạm bơm gom của khu xử lý.

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lắp đặt với công suất 560 m^3/ngày.đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án, đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) trước khi thải ra môi trường.



Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: **n**ước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập trung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa. Các công trình tiêu thoát nước mưa phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, đặc biệt là hệ thống rãnh thoát, hệ thống thu gom, các bể lắng phải thường xuyên được duy tu, sửa chữa bảo đảm tốt cho việc tiêu thoát nước.

1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các phương tiện chuyên chở đảm bảo, không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải.

- Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh; khu tập kết nguyên vật liệu, phế thải xây dựng được che chắn;…

- Thường xuyên tưới nước ở những khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển chính tần suất 2-3 lần/ngày (vào những ngày hanh khô).

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy *hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m).*

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông: sau khi đưa dự án vào khai thác sử dụng thì toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa, giảm lượng bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lưu thông của các phương tiện giao thông.

- Đối với mùi hôi từ khu vực trạm xử lý: xây dựng và lắp đặt trạm xử lý theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Kiểm tra các hệ thống bơm, van trên đường ống dẫn bùn đảm bảo các van đóng/mở theo yêu cầu kỹ thuật vận hành. Làm các nắp đậy kín hoặc bố trí các ống thông hơi hoặc quạt hút mùi cho hệ thống xử lý nước thải. Thu gom và xử lý bùn thải theo định kỳ (tần suất 6 tháng/ lần). Thường xuyên dọn dẹp hệ thống cống rãnh thoát nước, định kỳ nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước 3 - 6 tháng/lần.

2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công trên công trường: trang bị 02 thùng chứa rác dung tích 100 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng: chất thải sau khi tận thu sẽ được thu gom và vận chuyển đưa đi.

- Chất thải xây dựng: phân loại, đối với chất thải có khả năng tại chế như: sắt thép, bao lilon,… được thu gom hàng ngày và bán; chất thải không thể tận dụng sẽ thuê đơn vị chức năng trên địa bàn vận chuyển xử lý

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí 02 thùng 100 lít chứa rác tại khu nhà điều hành để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt, tái sử dụng, tái chế và thu gom hàng ngày.

2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

Bố trí 05 thùng có dung tích từ 80 lít để thu gom về khu vực lưu giữ tạm thời (Thuê contener 5 m^3 đặt tại vị trí gần khu vực công trường nhằm lưu chứa CTNH phát sinh); thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại 240 lít có nắp đậy và dán nhãn phân loại đặt tại khu vực nhà kho chứa CTNH với diện tích 5 m^2 và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý bùn thải

Thực hiện phân tích đánh giá ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp bùn thải không phải là chất thải nguy hại, đơn vị sẽ thực hiện thu gom và hợp đồng vận chuyển đi xử lý theo chất thải rắn thông thường. Trường hợp bùn thải thuộc danh mục chất thải nguy hại, thuê đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định đối với chất thải nguy hại.

3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

3.1. Giai đoạn xây dựng

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

- Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

- Hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, xe có độ ồn cao.

3.2. Giai đoạn vận hành

- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực

- Không cho phép sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực.

4. Phương án, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố hệ thống thu gom nước thải: tuân thủ các yêu cầu thiết kế lúc xây dựng, xây dựng chương trình vận hành nghiêm ngặt, xây dựng chương trình bảo trì hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp khi xử lý nước thải tạm dừng để bảo trì sửa chữa, hỏng hóc, nước thải được giữ lại tại đập ngăn tụ thuỷ và không được xả xuống xử lý nước thải.

- Sự cố hoá chất: kho hoá chất có diện tích 5m^2; xác định, khoanh vùng và lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên các điểm có nguy có xảy ra sự cố hoá chất cao; tuân thủ các quy định về quản lý hóa chất.

- Sự cố cháy nổ: xây dựng hệ thống cấp nước chữa cháy khu vực dự án, thiết lập hệ thống báo cháy có đèn hiệu và thông tin tốt, bố trí các bình CO_2 ở những nơi dễ xảy ra sự cố.

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải, cụ thể:

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau xử lý.

- Thông số giám sát: pH; BOD_5; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO_3^-) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphate (PO_4^{3-}) (tính theo P); tổng Coliforms.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

VI. CÁC YÊU CẦU KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHỦ DỰ ÁN

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường và kịp thời báo cáo những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định./.